

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thuý Nga

2. Bà Nguyễn Thị Quy

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: Ông **Vũ Xuân Trường** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1975

Bị đơn: Ông Lê Huy L, sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: tổ 7, ấp 3, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Huy L tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 tại ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2004 thì ông bà về sinh sống tại tổ 7, ấp 3, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng ông đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Trần Thị Ánh Linh, sinh ngày 14/10/2000 và Lê Trần Ý Nhi, sinh ngày 13/5/2003. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Theo bà C, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/3/2023 bị đơn ông Lê Huy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận ông và bà C tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau có xích mích nhưng không đáng kể. Nay bà C có yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương yêu bà.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Trần Thị Ánh Linh, sinh ngày 14/10/2000 và Lê Trần Ý Nhi, sinh ngày 13/5/2003. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Theo ông L vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Căn cước công dân (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản sao sổ tạm trú; Bản sao sổ hộ khẩu; Đơn xác nhận về việc không đăng ký kết hôn. Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh; Biên bản lấy lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4, Điều 3, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Mỹ C và ông Lê Huy L

Về con chung: Bà C và ông có 02 con chung là Lê Trần Thị Ánh Linh, sinh ngày 14/10/2000 và Lê Trần Ý Nhi, sinh ngày 13/5/2003. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Huy L. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn ông Lê Huy L có nơi cư trú tại: xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Huy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà C, ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết

hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Trần Thị Mỹ C và ông Lê Huy L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông L, bà C có 02 con chung là Lê Trần Thị Ánh Linh, sinh ngày 14/10/2000 và Lê Trần Ý Nhi, sinh ngày 13/5/2003. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông L, bà C không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà C, ông L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà C, ông L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 19, Điều 51, khoản 3 Điều 53, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Trần Thị Mỹ C và ông Lê Huy L là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông L, bà C có 02 con chung là Lê Trần Thị Ánh Linh, sinh ngày 14/10/2000 và Lê Trần Ý Nhi, sinh ngày 13/5/2003. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động. Ông L, bà C không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con vì vậy không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, khấu trừ vào số tiền bà C đã nộp tạm ứng theo

biên lai thu số 0004007 ngày 16/12/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Bà C đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Mỹ C và ông Lê Huy L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã La Ngà (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh